

DANH SÁCH ĐIỂM THI

Học Kỳ 1 - Năm Học 23-24

Môn học
CBGD

Bóng đá 2
Lương Anh Kiệt

Nhóm: 11

Mã MH	STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	ĐQT (40%)	Thi (60%)	ĐTK	Ghi chú
234006	1	2122170769	Trần Mạnh Vũ	Phong	06/11/2004		8.8	9	8.9	
234006	2	2122170791	Trần Nguyên	Phong	30/08/2004		9	4	6	
234006	3	2122170834	Nguyễn Hữu	Phục	17/05/2004		8	4	5.6	
234006	4	2122170798	Trần Hữu	Phước	15/12/2004		8.3	5	6.3	
234006	5	2122170760	Lê Văn Anh	Quân	22/11/2004		5	3	3.8	
234006	6	2122170857	Nguyễn Trường	Sang	18/03/2000		7.8	7	7.3	
234006	7	2122170837	Dương Anh	Sĩ	14/04/2004					
234006	8	2122170838	Đặng Quý	Sơn	06/03/2004		8	6	6.8	
234006	9	2122170794	Huỳnh Hoàng	Sơn	02/04/2004		8.8	6	7.1	
234006	10	2122170782	Nguyễn Quý	Tài	15/09/2004		8	4	5.6	
234006	11	2122170770	Đặng Minh	Thắng	20/01/2004		6.8	7	6.9	
234006	12	2122170816	Võ Quang	Thắng	19/04/2004		7.5	6	6.6	
234006	13	2122170731	Nguyễn Văn Duy	Thanh	22/08/2004		8	6	6.8	
234006	14	2122170858	Dương Trọng	Thuần	19/02/2004		9	10	9.6	
234006	15	2122170781	Trần Anh	Tiến	05/10/2004		8	8	8	
234006	16	2122170757	Võ Văn	Tiến	22/08/2004		8	6	6.8	
234006	17	2122170768	Nguyễn Hoàng Minh	Trí	16/06/2004		8.8	8	8.3	
234006	18	2122170756	Phạm Hoàng Minh	Trí	24/10/2003					
234006	19	2122170751	Phan Trung	Trí	07/12/2004		7.8	5	6.1	
234006	20	2122170814	Bùi Đức	Trọng	04/12/2004					
234006	21	2122170810	Lê Thanh	Trọng	10/10/2004		9.8	7	8.1	

Mã MH	STT	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	ĐQT (40%)	Thi (60%)	ĐTK	Ghi chú
234006	22	2122170841	Lê Thanh	Trọng	28/10/2004		8.5	5	6.4	
234006	23	2122170774	Chu Văn	Tuấn	03/03/2004		7	6	6.4	
234006	24	2122170842	Nguyễn Anh	Tuấn	26/04/2004		8	5	6.2	
234006	25	2122170738	Đào Phước Bảo	Việt	12/08/2004		8	4	5.6	
234006	26	2122170831	Bùi Hữu	Vinh	17/02/2004					
234006	27	2122170763	Nguyễn Quang	Vinh	08/01/2004		9	7	7.8	
234006	28	2122170765	Nguyễn Quang	Vinh	02/01/2004		7.5	6	6.6	
234006	29	2122170748	Lê Tuấn	Vũ	08/11/2004		8	7	7.4	
234006	30	2122170852	Võ Trường	Vũ	19/02/2004		8.8	8	8.3	
234006	31	2122170153	Lương Tăng	Vương	24/02/2004		7	5	5.8	

TPHCM, ngày 20 tháng 01 năm 2024


Lương Anh Kiệt

DANH SÁCH ĐIỂM QUÁ TRÌNH

Học Kỳ 1 - Năm Học 23-24

Môn học/Nhóm
CBGD

Bóng đá 2-11
Lương Anh Kiệt

Số tín chỉ: 02

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP. 2	BP. 3(x2)	BP. 4	ĐQT	Ghi chú
1	2122170769	Trần Mạnh Vũ	Phong	06/11/2004		9	8	9		8.8	
2	2122170791	Trần Nguyên	Phong	30/08/2004		10	10	8		9	
3	2122170834	Nguyễn Hữu	Phục	17/05/2004		9	9	7		8	
4	2122170798	Trần Hữu	Phước	15/12/2004		7	10	8		8.3	
5	2122170760	Lê Văn Anh	Quân	22/11/2004		0	8	6		5	
6	2122170857	Nguyễn Trường	Sang	18/03/2000		6	9	8		7.8	
7	2122170837	Dương Anh	Sĩ	14/04/2004						0	
8	2122170838	Đặng Quý	Sơn	06/03/2004		10	6	8		8	
9	2122170794	Huỳnh Hoàng	Sơn	02/04/2004		9	8	9		8.8	
10	2122170782	Nguyễn Quý	Tài	15/09/2004		8	10	7		8	
11	2122170770	Đặng Minh	Thắng	20/01/2004		7	8	6		6.8	
12	2122170816	Võ Quang	Thắng	19/04/2004		8	8	7		7.5	
13	2122170731	Nguyễn Văn Duy	Thanh	22/08/2004		6	10	8		8	
14	2122170858	Dương Trọng	Thuần	19/02/2004		9	7	10		9	
15	2122170781	Trần Anh	Tiến	05/10/2004		8	6	9		8	
16	2122170757	Võ Văn	Tiến	22/08/2004		10	8	7		8	
17	2122170768	Nguyễn Hoàng Minh	Trí	16/06/2004		8	7	10		8.8	
18	2122170756	Phạm Hoàng Minh	Trí	24/10/2003						0	
19	2122170751	Phan Trung	Trí	07/12/2004		9	8	7		7.8	
20	2122170814	Bùi Đức	Trọng	04/12/2004						0	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Tên lớp	BP. 1	BP. 2	BP. 3(x2)	BP. 4	ĐQT	Ghi chú
21	2122170810	Lê Thanh Trọng	10/10/2004		9	10	10		9.8	
22	2122170841	Lê Thanh Trọng	28/10/2004		10	8	8		8.5	
23	2122170774	Chu Văn Tuấn	03/03/2004		6	8	7		7	
24	2122170842	Nguyễn Anh Tuấn	26/04/2004		7	9	8		8	
25	2122170738	Đào Phước Bảo Việt	12/08/2004		9	9	7		8	
26	2122170831	Bùi Hữu Vinh	17/02/2004						0	
27	2122170763	Nguyễn Quang Vinh	08/01/2004		9	9	9		9	
28	2122170765	Nguyễn Quang Vinh	02/01/2004		8	8	7		7.5	
29	2122170748	Lê Tuấn Vũ	08/11/2004		9	7	8		8	
30	2122170852	Võ Trường Vũ	19/02/2004		7	10	9		8.8	
31	2122170153	Lương Tăng Vương	24/02/2004		7	7	7		7	

TPHCM, ngày 20 tháng 01 năm 2024


Lương Anh Kiệt